

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)

Địa chỉ: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2016

Lưu: Công ty CP xi măng La Hiên VVMI

Thái Nguyên, tháng 03/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	THÔNG TIN CHUNG	01
1	Thông tin khái quát	01
2	Quá trình hình thành và phát triển	01
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	04
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	04
5	Định hướng phát triển	06
6	Các rủi ro	09
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016	12
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2	Tổ chức và nhân sự	14
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	18
4	Tình hình tài chính	18
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	21
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	24
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
2	Tình hình tài chính	29
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	32
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	32
5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	33
6	Báo cáo đánh giá về trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	33
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	35
1	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	35
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	36



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

STT	NỘI DUNG	TRANG
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	36
V	QUẢN TRỊ CÔNG TY	39
1	Hội đồng quản trị	39
2	Ban kiểm soát	46
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	51
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	53
1	Ý kiến kiểm toán	
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02803.829.154
- Số fax: 02803.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CLH

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

* Việc thành lập:

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam - TKV.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 ban giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Ngày 22 tháng 04 năm 2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 252/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CLH.

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

*** Giới thiệu về công ty:**



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMi LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:



2



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Trụ sở chính của công ty: Xóm cây Bồng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên.

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phần đầu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HUNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

2.2. Các sự kiện khác trong năm 2016.

- Ngày 18/03/2016 được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 19/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 10.000.000 cổ phiếu.

- Ngày 12/04/2016 tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

- Ngày 07/06/2016 chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn HNX.



MẪU PHỤ LỤC SỐ 04 (BAN HÀNH KÈM THÔNG TƯ SỐ 155/2015/TT-BTC NGÀY 06/10/2015 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN)



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Công ty bán hàng cho trên 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, ...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng la Hiên VVMI được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

4.1. Mô hình quản trị.

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và 03 phó Giám đốc phụ trách các phần hành công việc.

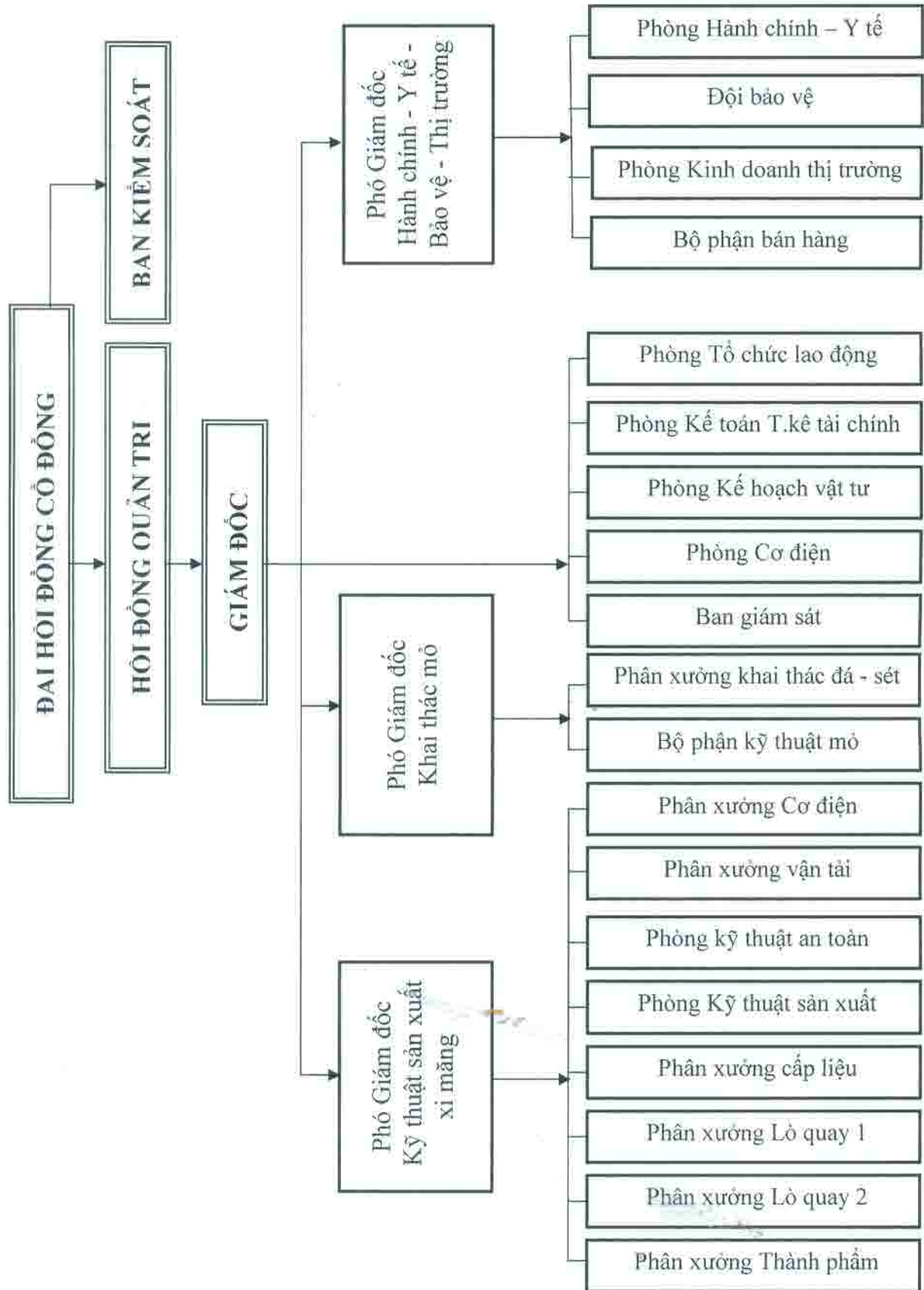
- Công ty là công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty (51,383% vốn điều lệ).

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

- Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mờ; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Giám đốc và các Phó giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ được giao.



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:





*** Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần để thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HDQT. HDQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HDQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*** Bộ máy điều hành:**

Đứng đầu bộ máy điều hành là ủy viên HDQT kiêm Giám đốc Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

Hiện nay theo nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty đã thành lập 18 phòng, ban, phân xưởng. Các phòng, ban, phân xưởng đều có mối quan hệ gắn kết với nhau nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện các công việc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được thông suốt.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển

Trong năm 2016 tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng này giảm so với mục tiêu đề ra (6,7%) và cũng giảm hơn so với mức tăng trưởng của năm 2015, trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức



tăng trưởng trên cũng là một thành công. Tăng trưởng GDP năm 2017 dự kiến đạt từ 6,3%, tuy nhiên dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, giá clinker xuất khẩu giảm mạnh gây áp lực ngược lại với thị trường nội địa. Do vậy khó khăn và thách thức đối với Công ty ớn, tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Mục tiêu năm 2017 và các năm tiếp theo nhiệm vụ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi là: Tiếp tục duy trì và ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: *An toàn – Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả*

- Phát huy cao tinh thần *Kỷ luật – đồng tâm*

- Hải hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động

- Khách hàng là số 1

- Môi trường làm việc thân thiện, trách nhiệm trong cộng đồng xã hội

- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

** Chiến lược về sản phẩm và thị trường:*

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định và phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.



- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Trong năm 2017, tiếp tục có những giải pháp cải tạo công nghệ, thiết bị trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Tích cực đưa ra các giải pháp để giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu; tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động



gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi. Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

- Tăng cường đổi mới trong cách thức Quản trị doanh nghiệp; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.

- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

- Tổ chức các phong trào xanh, sạch, đẹp, làm vệ sinh, trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định trong Quy trình xử lý chất thải.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, đá, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty.

*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.

- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, người nghèo, đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi cộng đồng.

6. Các rủi ro:



Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

*** Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP)**

Kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn ổn định từ năm 2014 sau ảnh hưởng tiêu cực từ lạm phát tăng cao và suy thoái kinh tế. Năm 2016 là năm khởi đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Đây cũng là năm khởi đầu một tiến trình hội nhập mới khi hàng loạt cam kết hội nhập có hiệu lực.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo sự đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại.

*** Lạm phát:**

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây tăng ở mức thấp nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chi phí điện, than, ... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** Lãi suất:**

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI sử dụng nguồn vốn vay làm nguồn tài trợ chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, diễn biến lãi suất trong giai đoạn gần đây có tác động tích cực tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Tỷ giá hối đoái:**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.



Là một công ty cổ phần niêm yết, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMi sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3. Rủi ro đặc thù

*** Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào**

Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, thạch cao, quặng sắt, cước vận tải,... Về nguyên liệu chính, Công ty có lợi thế sở hữu mỏ nguyên liệu trữ lượng lớn và chất lượng cao, đáp ứng cho việc sản xuất xi măng. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài có đặc tính biến động theo giá thị trường, một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

*** Rủi ro cạnh tranh**

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước (toàn Tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mặt bằng giá xuống thấp, đặc biệt là Clinker xuất khẩu. Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP),...

6.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.



Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

6.5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Trong năm Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Năm 2016 mặc dù còn có những khó khăn về công tác thị trường, giá xuất khẩu clinker giảm mạnh làm ảnh hưởng lớn đến thị trường trong nước, nhưng Công ty vẫn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả tiết kiệm trên 23,49% chi phí tài chính theo kế hoạch đề ra; vận dụng các chính sách bán hàng linh hoạt, ưu tiên lựa chọn vùng thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, trong năm đã hạn chế xảy ra sự cố đột xuất trong sản xuất.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia giúp hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMJ

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Có thể nói năm 2016 Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế đề ra, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được tăng trưởng rõ nét. Quyền lợi của cổ đông và người lao động đều được nâng cao, thu nộp ngân sách vượt mức kế hoạch đề ra.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đ V T	TH năm 2015	KH năm 2016	TH năm 2016	% TH 2016 2015	% TH KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	688.097,12	650.000,00	701.589,69	101,96%	107,94%
1	Xi măng	..	570.470,31	580.000,00	639.669,08	112,13%	110,29%
2	Clinker thương phẩm	..	117.626,81	70.000,00	61.920,61	52,64%	88,46%
II	Sản lượng tiêu thụ	..	687.971,42	650.000,00	701.805,39	102,01%	107,97%
1	Xi măng	..	570.344,61	580.000,00	639.884,78	112,19%	110,32%
2	Clinker thương phẩm	..	117.626,81	70.000,00	61.920,61	52,64%	88,46%
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	649.732,89	577.555,44	658.003,24	101,27%	113,93%
1	Xi măng	Tr.đ	572.047,45	531.241,11	615.941,87	107,67%	115,94%
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	74.291,43	42.818,16	36.856,38	49,61%	86,08%
3	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	3.394,02	3.496,17	5.204,99	153,36%	148,88%
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	32.521,88	27.000,00	35.434,11	108,95%	131,24%
D	Cổ tức (dự kiến)	%	12%	10%	15%	125,00%	150%
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	29.929,70	26.369,00	38.114,57	127,35%	144,54%
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động định mức	Người	773	789	789	102,07%	100,00%
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/ th	6.933.400	6.973.692	8.121.445	117,14%	116,46%



* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

Năm 2016 với sự phục hồi chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, nhiều dự án đầu tư xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai; sức mua của toàn nền kinh tế tăng trưởng khá, kéo theo nhu cầu về vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng được cải thiện. Giá nguyên vật liệu đầu vào giảm nhẹ và ổn định do ảnh hưởng bởi giá xăng dầu giảm sâu trong năm vừa qua đã mang lại một phần lợi ích cho Công ty.

- Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI luôn xác định chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Công ty luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV trên toàn diện các lĩnh vực: Tài chính, kỹ thuật, công nghệ, Cơ Điện, an toàn, công tác quản lý thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

- Đặc biệt Công ty luôn có sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động. Bộ máy quản lý đã chủ động và sát sao hơn trong điều hành sản xuất, công tác thị trường, tiếp cận các hộ tiêu dùng trực tiếp nhằm tăng sản lượng. Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, công nghệ nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:

Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 20/7/2017 Nơi cấp: CA Thái Nguyên.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,523%

2.1.2 Ông Bùi Xuân Hồng:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 22/05/1956

Quê quán: Xã Thụy Hương, Huyện An Thụy, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.508.520 Ngày cấp: 28/04/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường Thịnh Đán, Thành Phố Thái Nguyên.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2.1.3 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%

2.1.4 Ông Nguyễn Văn Tập:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 20/08/1958

Quê quán: Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.194.906 Ngày cấp: 10/03/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên



Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mô

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057%

2.1.5 Ông Vũ Ngọc Bách:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2.1.6 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,38%

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Bùi Xuân Hồng thôi giữ chức danh Phó giám đốc Công ty để nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/06/2016.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 698 người, trong đó:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	59	8,45%
2	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	45	6,45%
3	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	16	2,29%



STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
4	Nhân viên phục vụ	16	2,29%
5	Công nhân lao động	561	80,37%
6	Công đoàn	1	0,14%
Tổng cộng:		698	100,00%

Và có các trình độ chuyên môn sau:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Trình độ thạc sỹ	5	0,72%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	173	24,79%
3	Trình độ trung cấp	57	8,17%
4	Công nhân kỹ thuật	452	64,76%
5	Lao động phổ thông	11	1,58%
Tổng cộng:		698	100,00%

- Trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 20 người.

- Xác định nguồn nhân lực luôn là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy



người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty luôn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Động viên khen thưởng kịp thời và tặng quà cho người lao động nhân các dịp lễ. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

*** Đầu tư tài chính:**

Công ty không có các khoản đầu tư tài chính nào.

*** Đầu tư dự án:**

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2016 đã hoàn thiện và quyết toán dự án mua xe ô tô bán tải và máy xúc lật phục vụ cho sản xuất kinh doanh với giá trị quyết toán được phê duyệt là 1.819 triệu đồng. Đã thực hiện việc giải ngân đền bù mở rộng mở sết Cúc Đường và tuyến đường vào mỏ đá vôi Đồng Chuông với số tiền 3.021 triệu đồng và đang tiếp tục triển khai các dự án được ghi trong kế hoạch như đầu tư hệ thống cân cấp than, máy lọc dầu công nghiệp.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	540.613,37	447.599,22	-17,21%
2	Doanh thu thuần	646.790,23	656.524,46	1,51%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	32.460,69	35.210,24	8,47%
4	Lợi nhuận khác	61,19	223,87	265,86%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
5	Lợi nhuận trước thuế	32.521,88	35.434,11	8,95%
6	Lợi nhuận sau thuế	25.317,79	28.264,62	11,64%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47,40%	53,07%	11,97%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,21	0,15	
+	Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,07	0,06	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,78	0,72	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,58	2,59	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	10,86	16,21	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,20	1,47	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế Doanh thu thuần	0,039	0,043	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế Vốn chủ sở hữu	0,214	0,226	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế Tổng tài sản	0,047	0,063	
+	Hệ số LN từ hoạt động KD Doanh thu thuần	0,050	0,054	



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.632.300 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 5.367.700 cổ phần.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là số cổ phần do cổ đông là Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty với số lượng là 5.349.700 cổ phiếu. Các trường hợp này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do quyết định của Tòa án: là 18.000 cổ phiếu. Đây là trường hợp cổ đông Phạm Triều Dương bị thu hồi cổ phiếu theo Quyết định số 23/QĐ-THA ngày 19/4/2010 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên, số lượng cổ phiếu này được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự TP. Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông lớn</i>	6.426.300	64,263%
+	<i>Cổ đông nhỏ</i>	3.573.700	35,737%
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông tổ chức</i>	5.848.300	58,483%
+	<i>Cổ đông cá nhân</i>	4.151.700	41,517%
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông trong nước</i>	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	0	0%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	10.000.000	100%
+	Cổ đông nhà nước	5.138.300	51,383%
+	Cổ đông khác	4.861.700	48,617%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Công ty.

Mục tiêu và kế hoạch hành động đặt ra là: Bảo vệ Môi trường bền vững, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá vôi	Tấn	665.646	
2	Đá phụ gia	“	144.105	
3	Đất sét	“	66.637	
4	Đất cao silic	“	48.086	
5	Quặng sắt	“	7.955	
6	Thạch cao	“	8.495	



7	Vỏ bao	Vỏ	12.153.210
---	--------	----	------------

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là:

Công ty đã tận dụng lại các nguyên vật liệu thải ra trong quá trình sản xuất để tái chế sử dụng lại như tro bay từ nhà máy điện với tỉ lệ chiếm trên 9% sản lượng sản xuất sản phẩm trong năm góp phần giảm thải ra môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu diesel	Tấn	700.284	
2	Xăng A92	“	25.187	
3	Than cám 5a.6	“	97.428	
4	Than cám 6a.6	“	2.446	
5	Điện năng	KW	71.803.787	

Xác định năng lượng là một nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia. Con người sống không thể thiếu năng lượng mà năng lượng là hữu hạn do vậy chúng ta cần sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên luôn nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng. Trong cơ cấu sản phẩm của Công ty thì yếu tố than, điện chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy giải pháp tiết kiệm tiêu hao than, điện là vấn đề luôn được quan tâm chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện công ty có nguồn cung cấp nước mặt và nước từ giếng khoan với lượng nước sử dụng trong năm là: Nước mặt 180.976 m³, nước giếng 16.233 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty xây dựng bể chứa nước tuần hoàn để phục vụ sản xuất nhằm tránh lãng phí trong sử dụng tài nguyên nước với tỷ lệ tái sử dụng lại trên 30%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường



Trong năm Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2016 Công ty có 698 người lao động, tiền lương bình quân đạt 8.121.445 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Người lao động luôn được quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, được hưởng chế độ bồi dưỡng đầy đủ theo quy định. Hàng năm được tập huấn an toàn để phòng người những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất cũng như đời sống hàng ngày. Định kỳ một năm hai lần có tổ chức các đợt khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện đúng số giờ làm việc của người lao động theo quy định của pháp luật. Luôn đề người lao động thấy Công ty trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động. Thu hút và giữ chân được nhân tài, duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất có thể.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Củng cố nhân sự bền vững, liên tục tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên, đặc biệt là nhân viên quản lý, đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hỗ trợ Cộng đồng bền vững - Luôn là “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”. Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững. Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh với



nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dân trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đây mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chúng tôi luôn hiểu rằng sự phát triển và thành công của một doanh nghiệp không chỉ là những con số về tài chính mà còn là sự gắn kết, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, xã hội, cộng đồng và các đối tác liên quan. Với nhận định đó, trong lộ trình phát triển bền vững của mình, Xi măng La Hiên luôn nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong định hướng tăng trưởng xanh (thị trường vốn xanh) và phát triển bền vững của đất nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Năm 2016 kinh tế thế giới đã có những tín hiệu tích cực, kinh tế trong nước có dấu hiệu đi qua vùng đáy. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 tuy không đạt như kế hoạch đề ra nhưng cũng tương đối cao đạt khoảng 6,21%, lạm phát giảm, lãi suất ổn định, nhiều dự án đầu tư xây dựng đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng. Song do tình trạng cung vượt cầu rất lớn đối với lĩnh vực sản xuất xi măng, mức dư thừa sản phẩm trong ngành còn cao, sản phẩm chịu sức cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2016 cũng vẫn còn gặp nhiều khó khăn tại thị trường trong nước do nằm trong vùng có mật độ các nhà



máy xi măng nhiều nhất cả nước, tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt làm cho thị phần giảm ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm.

Nhận định được những khó khăn đó trong năm 2016 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 701.685,9 tấn/KH 650.000 tấn = 107,97% kế hoạch giao, doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 658,003/KH 577,56 tỷ đồng = 113,93% kế hoạch giao. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 35,43/KH 27 tỷ đồng = 131,24% kế hoạch giao, sản xuất đảm bảo an toàn.

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Hội đồng quản trị và ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016, sản xuất được duy trì ổn định và đang trên đà tăng trưởng; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2016 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được, và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

*** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:**



Công ty tiếp tục chi đạo tập trung nguồn lực đảm bảo chất lượng sản phẩm. Bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng để đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp khắc phục - phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.

Năm 2016 Công ty tiếp tục tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo, thay thế từng phần thiết bị cũ đã xuống cấp, lạc hậu về kỹ thuật do sử dụng lâu ngày để nâng cao thời gian huy động, năng suất chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Ban giám sát thiết bị chuyên trách trực tiếp tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị phân xưởng sản xuất, phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra



phương án xử lý sửa chữa nhằm đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng thời gian huy động, giảm sự thiết bị đột xuất không mong muốn trong năm 2016.

*** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật:**

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2016 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng.

*** Công tác kế hoạch, khoán quản:**

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty đề triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp đề tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho tàng, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho 5% theo quy định của Tập đoàn TKV và Tổng công ty.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.



Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

Xây dựng mới và ban hành lại các quy chế quản lý tài chính, quy chế sử dụng các quỹ cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nhằm minh bạch và quản lý tài chính của Công ty ngày càng tốt hơn.

Trong năm đã hoàn thiện và đưa cổ phiếu xi măng La Hiên lên niêm yết trên sàn chứng khoán HNX nhằm minh bạch hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quảng bá thương hiệu sản phẩm của Công ty trên thị trường chứng khoán.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Trong năm 2016 đã chủ động cùng các đơn vị liên quan cân đối, sắp xếp cơ cấu lại lao động hợp lý đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính, giảm thiểu lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ tính đến thời điểm 31/12/2016 số lao động hiện có của Công ty là 698 người giảm 20 người so với số đầu năm 2016. Đề xuất trình HĐQT sáp nhập 2 phòng Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương thành 01 phòng Tổ chức lao động nhằm giảm đầu mối quản lý. Sau khi cơ cấu sắp xếp đã ổn định và phát huy được hiệu quả công tác.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, TN, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Các phân xưởng trong năm nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán. Nhìn chung các phân xưởng sản xuất và phục vụ cơ điện đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

*** Khôi phục vụ:**

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho CNVC -LD. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.



*** Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2016 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

*** Tình hình tài sản:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	65.725.690.331	41.318.287.768	-37,13%
II	Tài sản dài hạn	474.887.684.521	406.280.936.743	-14,45%
	Tổng cộng	540.613.374.852	447.599.224.511	-17,21%



*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	19.286.151.377	14.062.174.846	-27,09
2	Trả trước cho người bán	0	110.850.000	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	655.092.997	538.094.419	-17,86
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.412.104.128)	(1.160.062.239)	-17,85
	Tổng cộng	18.529.140.246	13.551.057.026	-26,87

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,86	16,21
2	Vòng quay khoản phải thu	"	16,19	16,24
3	Vòng quay vốn lưu động	"	9,13	14,75
4	Vòng quay tài sản dài hạn	"	1,36	1,62
5	Vòng quay tổng tài sản	"	1,2	1,47
6	Tỷ suất Lợi nhuận/Tổng TS (ROA)	%	4,68	6,31
7	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH (ROE)	%	21,43	22,65

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2016 giá trị tổng tài sản của Công ty giảm 17,21% so với thời điểm 31/12/2015 chủ yếu do trích khấu hao TSCĐ.

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đầy cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2016 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu giảm 26,87% so với cùng kỳ năm trước, một số công nợ xấu cũng đã được thu hồi.



Tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản điều được nâng cao hơn so với năm trước.

2.2. Tình hình nợ phải trả

* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	314.515.452.267	268.021.881.220	-14,78
1	Phải trả người bán ngắn hạn	128.931.565.010	38.684.707.130	-70,00
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	96.414.984	533.229.994	453,06
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.999.623.870	8.595.592.877	-21,86
4	Phải trả người lao động	18.946.590.139	23.883.319.151	26,06
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.814.423.821	3.059.690.298	68,63
6	Phải trả ngắn hạn khác	12.701.913.591	15.774.764.945	24,19
+	<i>Tiền cô tức phải trả</i>	<i>12.153.345.500</i>	<i>15.168.311.250</i>	<i>24,81</i>
+	<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>548.568.091</i>	<i>606.453.695</i>	<i>10,55</i>
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	134.747.939.921	168.815.486.484	25,28
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.276.980.031	8.675.090.341	38,20
II	Nợ dài hạn	107.938.359.875	54.785.472.787	-49,24
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	107.711.666.670	54.445.463.239	-49,45
2	Dự phòng phải trả dài hạn	226.693.205	339.609.458	49,81
	Tổng cộng	422.453.812.142	322.807.354.007	-23,59

Do chính sách mua bán với khách hàng thay đổi nên nợ phải trả người bán ngắn hạn thời điểm 31/12/2016 giảm đáng kể so với thời điểm 31/12/2015. Công ty cũng đã phải tăng vay tài chính ngắn hạn để thanh toán cho khách hàng.



Khoản trả người lao động tăng do Công ty trích tăng quỹ lương dự phòng. Cổ tức chi trả cho các cổ đông dự kiến cũng sẽ tăng hơn năm trước.

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn có nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng tương ứng với số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Vay tài chính dài hạn giảm do Công ty trả nợ theo kỳ hạn thanh toán với tổ chức tín dụng.

*** Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.**

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn. Trong năm cũng có biến động tăng về tỷ giá ngoại tệ, tuy nhiên dư vay ngoại tệ của Công ty còn thấp (275.507,04 USD) nên không ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty. Lãi suất vay vốn trong năm được duy trì ở mức ổn định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016 Công ty tiếp tục tổ chức sắp xếp, cơ cấu hợp lý hóa lao động trong toàn Công ty, trong năm đã giảm tiếp được 20 lao động, sát nhập 2 phòng Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương vào thành phòng Tổ chức lao động.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.



- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2016 là ý kiến chấp thuận toàn phần do vậy Ban giám đốc không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện nay biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, xi măng La Hiên luôn cam kết thực hiện các giải pháp phù hợp với sự đầu tư về tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý đảm bảo xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu để góp phần vào mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hàng năm Công ty đều thực hiện quan trắc để đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Các biện pháp xử lý nước thải, giảm thiểu ô nhiễm khí được thực hiện thường xuyên, đạt hiệu quả, đảm bảo môi trường. Chỉ tiêu môi trường năm 2016 sau khi quan trắc đã được cơ quan chức năng đánh giá và kết luận như sau:



- Về khí thải công nghiệp: Tất cả các chỉ tiêu phân tích của 02 mẫu ống khói đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT đảm bảo chất lượng cho phép xả ra môi trường.

- Về môi trường không khí khu vực sản xuất: Tất cả các chỉ tiêu phân tích khác đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với quyết định 3733/2002/BYT. Điều đó cho thấy môi trường làm việc tại công ty tương đối tốt.

- Về môi trường không khí khu vực xung quanh: Các chỉ tiêu quan trắc các mẫu không khí xung quanh đại diện đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy sức chịu tải của môi trường còn khá tốt, chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, hoạt động của Công ty ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Về nước thải:

+ Nước thải sản xuất: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất của Công ty định kỳ năm 2016 cho thấy các chỉ tiêu phân tích mẫu nước thải sản xuất đều trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn cho phép ghi tại QCVN 40:2011/BTNMT. Các phương pháp xử lý nước thải của Công ty hoạt động có hiệu quả.

+ Nước thải sinh hoạt: Các chỉ tiêu phân tích nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT. Điều đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty vận hành tương đối tốt; khi nước thải sinh hoạt xả ra môi trường gây ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

- Về nước mặt: Công ty thay đổi điểm xả thải từ suối La Hiên sang nhánh suối La Hiên. Do đó kể từ quý 4 năm 2016 công ty sẽ quan trắc nước mặt tại nguồn tiếp nhận là nhánh suối La Hiên.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xi măng La Hiên luôn quan tâm đến môi trường làm việc cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động.

Với ý thức đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường Công ty nhận thức được trách nhiệm An toàn – Sức khỏe – Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ một hoạt động nào khác trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các nhân viên của khối sản xuất đã được triển khai thực hiện các nguyên tắc và cam kết tuân thủ theo các quy định của Công ty nhằm góp phần vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp.



6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành truyền thống và là một phần không thể tách rời trong hoạt động tổng thể của xí mãng La Hiên. Công ty luôn tham gia cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng trong sự đồng hành với các hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

Luôn có trách nhiệm bảo vệ và giảm thiểu những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Môi trường kinh doanh của công ty vẫn luôn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi mãng trên thị trường dư thừa nhiều do cung nhiều hơn cầu, thị trường bất động sản đã phục hồi nhưng chậm. Thiết bị sản xuất xi mãng sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều. Số lượng lao động lớn, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2016 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Trong bối cảnh kinh tế luôn có những khó khăn và đầy thử thách, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2016 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, năm 2016 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, tiêu thụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả khá quan trọng tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm tạo được mặt bằng giá bán sản phẩm mới có thể



bù đắp chi phí, đặc biệt chi tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

Việc đánh giá tác động môi trường được Công ty thực hiện thường xuyên nhằm kiểm soát những ảnh hưởng xấu để đưa ra những giải pháp hạn chế tối thiểu đến môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban đầu tuần để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây là một năm thuận lợi trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua đã gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017 kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Năm 2017 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, giá bán sản phẩm giảm mạnh, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HDQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2017 như sau:

*** Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2017**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	660.000	
1	Xi măng	“	636.000	
2	Clinker thương phẩm	“	24.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	660.000	
1	Xi măng	“	636.000	
2	Clinker thương phẩm	“	24.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	573.283,50	
1	Xi măng	Tr.đ	555.541,11	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	14.400,00	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	3.342,39	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000,00	
D	Cổ tức	%	12,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	25.578,00	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	760	
2	Quỹ tiền lương trong giá thành	Tr.đ	65.018,00	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2017: Tổng giá trị đầu tư ước tính: 25.465 triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:



ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Công trình chuyển tiếp:			3.000
1	Tuyến đường mò đá vôi Đồng Chuông	Km	2,6	3.000
II	Công trình khởi công mới:			20.984
1	Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất			2.500
	- Máy phân tích nhanh	Cái	1	1.700
	- Vận thăng (phục vụ sửa chữa giai đoạn II)	Cái	1	800
2	Dự án đầu tư HT quan trắc khí thải tự động	HT	1	4.200
3	Hệ thống cân cấp than cho DC xi măng lò quay II	HT	1	13.184
4	Nhà hóa nghiệm	M ²	250	1.100
III	Chuẩn bị đầu tư			1.481
1	Lập dự án cải tạo dây chuyền lò quay số II			1.481
	Tổng cộng			25.465

*** Định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị, khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, phấn đấu đạt công suất thiết kế lò nung Clinker. Tăng cường hoạt động của Ban giám sát thiết bị nhằm ngăn ngừa các sự cố thiết bị trong năm 2017.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất cao si lic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Tổ chức khảo sát lập đề cương, báo cáo đầu tư cải tạo hệ thống lò dây chuyền II chuẩn bị cho việc nâng công suất dây chuyền II để giảm chi phí sản xuất. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLD luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động



đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho NLĐ.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, Tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất như điện năng, chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên thiết bị... phấn đấu tiết kiệm chi phí theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Đặc biệt tăng cường thị trường xi măng bột thay cho việc tiêu thụ clinker xuất khẩu.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng NSLĐ, tiết giảm lao động (đặc biệt là lao động gián tiếp). Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với NSLĐ và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt



động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Ô. Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,730%	Thành viên không điều hành
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty	0,523%	
3	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty	0,380%	
4	Ô. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	0,066%	Thành viên không điều hành
5	Ô. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	0,100%	Thành viên không điều hành

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty.

Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
01	01/BB-HĐQT	30/01/2016	<i>1. Thông qua Kết quả SXKD quý IV/2015. 2. Tạm giao kế hoạch SXKD năm 2016. 3. Tạm giao kế hoạch ĐTXD năm 2016. 4. Giao kế hoạch SXKD quý I năm 2016.</i>	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
02	02/BB-HĐQT	07/03/2016	<i>1. Phê duyệt báo cáo KTKT xe ô tô bán tải phục vụ tiêu thụ thuộc dự án "Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất". 2. Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương, bảng phụ cấp chức vụ. 3. Triệu tập tổ chức ĐHCĐ năm 2016. 4. Phê duyệt phương án tạm phân phối lợi nhuận năm 2015. 5. Phê duyệt dự thảo hợp đồng mua bán than năm 2016 giữa TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV với Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.</i>	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
03	03/BB-HĐQT	31/03/2016	<i>1. Phê duyệt nội dung "Sáp nhập Phòng Lao động Tiền lương với Phòng Tổ chức Nhân sự thành Phòng Tổ chức Lao động - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI" 2. Phê duyệt "Dự toán chi phí quan trắc môi trường định kỳ năm 2016- Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI".</i>	HDQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 156;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
04	04/BB-DHĐCĐ	12/04/2016	BB họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
05	05/BB-HĐQT	13/04/2016	1. Thông qua phương án vay vốn trung hạn tại Ngân hàng TMCP quân đội chi nhánh Thái Nguyên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
06	06/BB-HĐQT	29/04/2016	1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI 2. Giao kế hoạch SXKD quý II năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt giới hạn tín dụng tại các Ngân hàng - Chi nhánh tại Thái Nguyên 4. Phê duyệt phương án, dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB) Dự án đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI 5. Bổ nhiệm Thư ký hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
07	07/BB-HĐQT	31/05/2016	1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Xe ô tô bán tại phục vụ sản xuất thuộc dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Phê duyệt báo cáo KTKT dự án đầu tư máy xúc lật dung tích gầu $\geq 3m^3$ - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
08	08/BB-HĐQT	30/06/2016	1. Phê duyệt trích lập dự phòng giám giá hàng tồn kho 6 tháng đầu năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Phê duyệt trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi 6 tháng đầu năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt dự toán thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ thiết bị điện định kỳ năm 2016 Công	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			<i>ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 4. Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI 5. Phê duyệt Quy điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2016.</i>	
09	09/BB-HĐQT	14/07/2016	<i>1. Phê duyệt công ty kiểm toán BCTC năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
10	10/BB-HĐQT	28/07/2016	<i>1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý II và 6 tháng đầu năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Giao kế hoạch SXKD quý III năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
11	11/BB-HĐQT	31/08/2016	<i>1. Phê duyệt Quy chế quản lý công tác AT-VSLĐ Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 2. Phê duyệt Quy chế Thi đua - Khen thưởng Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt dự toán sửa chữa tài sản cố định cấp TĐT máy làm nguội kiểu ghi TC-862 mã số LG03- Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI 4. Phê duyệt thành lập tổ thẩm định các dự án đầu tư Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
12	12/BB-HĐQT	28/09/2016	<i>1. Phê duyệt bổ sung giá trị hỗ trợ, bồi thường GPMB hạng mục: Tuyến đường từ mỏ đá vôi Đồng Chuông xã Quang Sơn ra quốc lộ 1B. 2. Phê duyệt trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thời điểm 30/9/2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI. 3. Phê duyệt quy chế quản lý, phân phối, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
13	13/BB-HĐQT	12/10/2016	1. Phê duyệt hệ thống thang bảng lương trong công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
14	14/BB-HĐQT	26/10/2016	1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý III năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi. 2. Giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
15	15/BB-HĐQT	29/11/2016	1. Phê duyệt quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
16	16/BB-HĐQT	29/12/2016	1. Phê duyệt quyết toán sửa chữa TSCĐ cấp TĐT thiết bị máy làm nguội kiểu ghi TC-862 mã số LG03. 2. Phê duyệt quyết toán thi nghiệm hiệu chỉnh định kỳ thiết bị điện năm 2016. 3. Phê duyệt Quy chế hoạt động Khoa học và Công nghệ của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi. 4. Phê duyệt dự toán và kế hoạch thực hiện mua sắm nguyên, nhiên vật liệu chính năm 2017. 5. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án: Đầu tư máy xúc lật dung tích gầu $\geq 3m^3$ - Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
17	17/BB-HĐQT	31/12/2016	1. Phê duyệt quyết toán quan trắc môi trường định kỳ năm 2016. 2. Tạm giao kế hoạch SXKD năm 2017 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi. 3. Điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMi. 4. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi thời điểm 31/12/2016. 5. Phê duyệt dự thảo hợp đồng dịch vụ phối	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



S T T	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			<i>hợp mua bán, dịch vụ với các bên liên quan theo luật doanh nghiệp.</i> <i>6. Phê duyệt trích khấu hao nhanh một số TSCĐ năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.</i> <i>7. Tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI.</i>	

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh và nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý. So với thời điểm 31/12/2015 Công ty đã giảm được 2,79% số lao động.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất xi măng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Chỉ đạo thành công việc niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) nhằm thuận lợi trong giao dịch cho các nhà đầu tư và minh bạch thông tin.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 03 thành viên HĐQT độc lập không điều hành, các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ



đồng. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban trong HĐQT do vậy không có hoạt động của tiểu ban.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Đến thời điểm 31/12/2016 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mô, kỹ sư kinh tế, cử nhân luật.
2	Ông. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
3	Bà. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
4	Ông. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	Cử nhân kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
5	Ông. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện.

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý vĩ điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông. Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	0%	
2	Ông. Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên	0,101%	
3	Bà. Hồ Thị Huệ	Ủy viên	0%	



2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016:

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2016 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra;

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty; để từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của ĐHĐCĐ;

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: *Quy chế công bố thông tin, Quy chế tài chính, Quy chế sử dụng và chi tiêu quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quy chế quản lý vật tư v.v.*

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã họp;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2016 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO;

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 4 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2016.

+ Lần 2 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2016.

+ Lần 3 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2016.

+ Lần 4 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý IV và năm 2016.



Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2016 như sau:

*** Về công tác quản trị và điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2016 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.



Trong năm 2016 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực tuy nhiên mức cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng đã hoàn thành vượt mức với kế hoạch đề ra, đồng thời Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá bán xi măng cao hơn so với kế hoạch giao làm tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2016, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 35,434 tỷ đồng/kế hoạch 27 tỷ đồng bằng 131,24% so với kế hoạch, cổ tức chi trả đạt 15% kế hoạch 10%;

Trong năm 2016, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi của chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC có hiệu lực từ 01/01/2015 và quy định của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng Việt Nam trong việc lập báo cáo. Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**



Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Tuy nhiên hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn còn thấp so với yêu cầu chung.

*** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2016, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời; Đồng thời Ban kiểm soát cũng không nhận được đơn thư yêu cầu, khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2016.

*** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà đang trên đà tăng trưởng trở lại và ngày càng hội nhập sâu rộng, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương như APTA, WTO, mà đặc biệt là hiệp định kinh tế TPP đang đưa Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi đến với nhiều cơ hội cũng như thách thức rất lớn; Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới đưa vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.



- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý, đúng định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp để phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.

- Tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Có các biện pháp hữu hiệu để tăng hệ số khả năng thanh toán, giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2016. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối và viên chức quản lý với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 12/04/2016 đã thông qua, trong năm 2016 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý thực nhận như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

ĐVT: Tr.đ

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị					
1	Ngô Ngọc Sơn	CT HĐQT			42,00	42,00
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT	326,44	67,87	35,28	429,59
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT	258,66	58,34	35,28	352,28
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	299,53	13,29	35,28	348,10
5	Trần Việt Cường	TV HĐQT	235,23	12,58	35,28	283,08
II	Ban kiểm soát					
1	Phạm Đình Nguyên (*)	Trưởng BKS			9,09	9,09
2	Nguyễn Anh Tuấn (**)	Trưởng BKS	157,01	11,45		169,37
3	Lã Đại Dương (***)	UV BKS			9,09	9,09
4	Nguyễn Xuân Hậu	UV BKS	202,90	15,78	31,92	250,60
5	Hồ Thị Huệ (****)	UV BKS			22,83	22,83
III	Viên chức quản lý					
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	326,44	67,87	35,28	429,59
2	Bùi Xuân Hồng	Phó GD	191,50	77,26		268,76
3	Lê Bá Chức	Phó GD	309,92	62,75		372,67
4	Vũ Ngọc Bách	Phó GD	303,51	60,62		364,13
5	Nguyễn Văn Tập	Phó GD	285,83	58,37		344,20
6	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	258,66	58,34	35,28	352,28

(*) Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 12/04/2016.

(**) Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 12/04/2016.

(***) Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 12/04/2016.

(****) Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 12/04/2016.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2016 Công ty có thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 156; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Số TT	Họ và tên	CP Tăng	CP Giảm	CP hiện có tại 31/12/2016
1	Đông Quang Lực	23.100		588.000

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Luôn ý thức tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty. Xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả trong quản trị Công ty như:

- Nâng cao nhận thức về vai trò và nguyên tắc quản trị
- Chủ động áp dụng các công cụ để nâng cao chuẩn mực quản trị công ty
- Gắn kết mục tiêu quản trị công ty với mục tiêu phát triển bền vững
- Xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC được kiểm toán)

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 03 năm 2017

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ
VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN
VVM**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

33
ON
NH
EN
B
/ 0

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 03 ngày 21/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng, mã số doanh nghiệp 4600422240.

Ngành nghề, hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2016 bao gồm: Sản xuất xi măng, đá vôi; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét,... Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|----------|
| - Ông Ngô Ngọc Sơn | Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Ủy viên |
| - Ông Phạm Mạnh Tiến | Ủy viên |
| - Ông Trần Việt Cường | Ủy viên |
| - Bà Lê Thị Thu Hiền | Ủy viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Giám đốc |
| - Ông Lê Bá Chức | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Tập | Phó Giám đốc |
| - Ông Vũ Ngọc Bách | Phó Giám đốc |
| - Ông Bùi Xuân Hồng | Phó Giám đốc (đến ngày 31/05/2016) |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Dũng - Chức danh: Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| - Ông Phạm Đình Nguyên | Trưởng ban (đến ngày 12/04/2016) |
| - Ông Lê Đại Dương | Ủy viên (đến ngày 12/4/2016) |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng ban (từ ngày 12/4/2016) |
| - Ông Nguyễn Xuân Hậu | Ủy viên |
| - Bà Hồ Thị Huệ | Ủy viên (từ ngày 12/4/2016) |

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong các Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2017,

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Giám đốc
Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016*

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017 từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 08/2016/BCKT/PKF-VPC ngày 08/03/2016.



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2013-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2581-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.318.287.768	65.725.690.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.199.816.582	2.270.626.480
1. Tiền	111		1.199.816.582	2.270.626.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.551.057.026	18.529.140.246
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.062.174.846	19.286.151.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	110.850.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	538.094.419	655.092.997
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.160.062.239)	(1.412.104.128)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	26.567.414.160	44.925.923.605
1. Hàng tồn kho	141		28.687.540.804	45.129.541.924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.120.126.644)	(203.618.319)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		406.280.936.743	474.887.684.521
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		339.609.548	226.693.205
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	339.609.548	226.693.205
II. Tài sản cố định	220		402.538.317.060	469.932.665.510
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	386.401.485.722	453.075.375.458
<i>Nguyên giá</i>	222		917.024.159.048	915.205.147.230
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(530.622.673.326)	(462.129.771.772)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	16.136.831.338	16.857.290.052
<i>Nguyên giá</i>	228		21.458.340.973	21.458.340.973
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.321.509.635)	(4.601.050.921)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	3.403.010.135	382.146.783
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.403.010.135	382.146.783
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	4.346.179.023
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	-	4.346.179.023
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		447.599.224.511	540.613.374.852

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		322.807.354.007	422.453.812.142
I. Nợ ngắn hạn	310		268.021.881.220	314.515.452.267
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	38.684.707.130	128.931.565.910
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	533.229.994	96.414.984
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	8.595.592.877	10.999.623.870
4. Phải trả người lao động	314	V.14	23.883.319.151	18.946.590.139
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.059.690.298	1.814.423.821
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	15.774.764.945	12.701.913.591
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.1	168.815.486.484	134.747.939.921
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.675.090.341	6.276.980.031
II. Nợ dài hạn	330		54.785.472.787	107.938.359.875
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.2	54.445.863.239	107.711.666.670
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	339.609.548	226.693.205
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.791.870.504	118.159.562.710
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	124.791.870.504	118.159.562.710
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.327.394.348	17.695.086.554
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		447.599.224.511	540.613.374.852

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	656.524.457.436	646.790.228.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		656.524.457.436	646.790.228.309
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	563.541.769.708	555.398.525.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.982.687.728	91.391.703.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	77.504.299	20.595.497
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.326.856.022	23.539.938.941
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.178.866.537	22.303.532.644
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.494.809.634	10.272.084.975
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.028.287.639	25.139.583.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.210.238.732	32.460.690.964
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.401.276.239	2.057.979.507
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.177.403.403	1.996.788.306
13. Lợi nhuận khác	40		223.872.836	61.191.201
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.434.111.568	32.521.882.165
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	7.169.495.980	7.204.090.160
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.264.615.588	25.317.792.005
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.163	2.132
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.434.111.568	32.521.882.165
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		69.213.360.268	58.086.353.909
- Các khoản dự phòng	03		1.777.382.779	1.223.722.638
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	1.236.406.297
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.402.891)	(642.864.901)
- Chi phí lãi vay	06		18.178.866.537	22.303.532.644
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		124.581.318.261	114.729.032.752
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.230.125.109	3.160.655.814
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.442.001.120	5.164.024.006
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(86.653.913.471)	2.496.269.365
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.346.179.023	8.434.327.084
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.850.407.292)	(17.320.561.402)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.067.337.424)	(8.042.171.090)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		222.730.000	152.403.691
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.569.843.827)	(776.870.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.680.851.499	107.997.109.696
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.839.875.170)	(1.197.622.019)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.486.363.634
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.402.891	20.595.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.817.472.279)	309.337.112

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		490.591.745.480	434.888.591.075
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(509.790.002.348)	(532.668.148.126)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.735.932.250)	(9.665.742.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(30.934.189.118)</i>	<i>(107.445.299.551)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.070.809.898)	861.147.257
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.270.626.480	1.409.479.223
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>1.199.816.582</u>	<u>2.270.626.480</u>

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường là không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 698 người (Tại ngày 31/12/2015 là 718 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch

- *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Các khoản phải trả.

- *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- *Phải thu khách hàng:* Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- *Phải thu khác:* Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về tiền điện nước, tiền bảo hiểm...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền tháng đối với nguyên vật liệu chính
Bình quân di động đối với các loại HTK còn lại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25 năm
Máy móc thiết bị	08-20 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

Trong năm 2016, Công ty tiến hành trích khấu hao nhanh với hệ số bằng 2 đối với một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất (chi phí đền bù giải phóng mặt bằng) và chi phí quy hoạch mở rộng mặt bằng nhà máy. Trong đó:

Quyền sử dụng đất

Được ghi nhận theo chi phí thực tế Công ty phải bỏ ra để đền bù, giải phóng mặt bằng. Quyền sử dụng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 27 đến 30 năm bằng đúng với thời hạn thuê đất.

Chi phí quy hoạch mở rộng mặt bằng nhà máy:

Được ghi nhận theo chi phí thực tế Công ty phải bỏ ra để có được quy hoạch nhà máy. Chi phí này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Thuế tài nguyên

Chi phí thuế tài nguyên được xác định trên cơ sở sản lượng khai thác đá vôi, đất và nước, giá tính thuế do UBND tỉnh Thái Nguyên quy định và thuế suất tương ứng.

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hãng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: tiền điện, lãi vay, chi phí phải trả khác,...

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- **Phải trả tiền điện, nước, điện thoại:** Căn cứ bảng kê dịch vụ đã sử dụng và đơn giá áp dụng/ Hoặc căn cứ Giấy báo thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ.
- **Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.
- **Các khoản phải trả khác:** Phụ cấp Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,...

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Dự phòng phục hồi môi trường: Được ghi nhận theo thông báo nộp tiền ký quỹ của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều lệ Công ty ngày 12/04/2016, việc trích Quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, chia cổ tức cho các cổ đông).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán xi măng bao, xi măng bột, clinker được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ (vận chuyển tiêu thụ) được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận kinh doanh, chi phí đồ dùng vật liệu khấu hao và các chi phí bằng tiền khác ở bộ phận bán hàng.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm là khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	902.760.294	539.821.717
Tiền gửi ngân hàng	297.056.288	1.730.804.763
Cộng	1.199.816.582	2.270.626.480
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	1.199.816.582	2.270.626.480

2. Phải thu khách hàng

2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phòng tài chính kế hoạch huyện Võ Nhai	-	8.272.248.000
Công ty TNHH thương mại và Vận tải Luận Khánh	182.581.896	2.479.032.696
Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên	6.672.250.000	-
Các khách hàng còn lại	7.207.342.950	8.534.870.681
Cộng	14.062.174.846	19.286.151.377

2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII 1.1

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng Sản Việt Nam	77.500.000	-
Công ty cổ phần phần mềm BRAVO	30.000.000	-
Công ty TNHH ứng dụng Giải pháp Công nghệ	3.350.000	-
Cộng	110.850.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Phải thu khác****4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	446.040.464	-	92.568.078	-
Phải thu khác	92.053.955	-	562.524.919	-
Cộng	538.094.419	-	655.092.997	-

4.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	339.609.548	-	226.693.205	-
Cộng	339.609.548	-	226.693.205	-

5. Nợ xấu**5.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên	1.068.050.000	534.025.000	1.148.583.740	804.008.619
Phòng tài chính Huyện Phô Yên	71.750.000	-	652.200.000	326.100.000
Công ty cổ phần gạch không nung Bắc Ninh	-	-	106.633.499	53.316.750
CHKDVLXD Nguyễn Thế Giang	22.472.024	-	32.475.324	9.742.598
Doanh nghiệp tư nhân Hoa Xuân	-	-	16.309.425	4.892.828
Công ty cổ phần bê tông Đức Liêm - Đà Nẵng	158.520.000	-	158.520.000	-
Công ty TNHH một thành viên Dũng Năm	102.200.000	-	111.200.000	-
Công ty TNHH Lâm Bình	77.775.000	-	77.775.000	-
Công ty cổ phần VL không nung ATK Thái Nguyên	20.763.003	-	87.405.000	-
Các đối tượng khác	200.333.148	27.775.936	270.142.829	51.079.894
Cộng	1.721.863.175	561.800.936	2.661.244.817	1.249.140.689

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.845.349.281	(2.120.126.644)	22.849.474.893	(203.618.319)
Công cụ, dụng cụ	52.016.758	-	70.630.599	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.790.174.765	-	22.016.509.479	-
Hàng gửi đi bán	-	-	192.926.953	-
Cộng	28.687.540.804	(2.120.126.644)	45.129.541.924	(203.618.319)

(i) Hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 2.234.812.897 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 28.687.540.804 đồng.

	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.845.349.281
Công cụ, dụng cụ	52.016.758
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.790.174.765
Cộng	28.687.540.804

Giá trị hàng tồn kho trên được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên và Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thái Nguyên (Xem Thuyết minh V16.1).

(iii) Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	203.618.319	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.916.508.325	203.618.319
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	2.120.126.644	203.618.319

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.807.488.848
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.263.803.845
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	274.886.330
Cộng	-	4.346.179.023

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	2.968.776.483	1.632.274.438	4.601.050.921
Khấu hao trong năm	720.458.714	-	720.458.714
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	3.689.235.197	1.632.274.438	5.321.509.635
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	16.857.290.052	-	16.857.290.052
Tại ngày 31/12/2016	16.136.831.338	-	16.136.831.338

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	1.632.274.438 đồng
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:	0 đồng
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:	0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	321.569.377.803	567.452.572.365	25.864.106.153	319.090.909	915.205.147.230
Mua trong năm	-	1.031.818.182	787.193.636	-	1.819.011.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	321.569.377.803	568.484.390.547	26.651.299.789	319.090.909	917.024.159.048
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	151.382.119.421	286.863.141.998	23.607.255.807	277.254.546	462.129.771.772
Khấu hao trong năm	14.558.156.928	52.725.470.235	1.167.438.028	41.836.363	68.492.901.554
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	165.940.276.349	339.588.612.233	24.774.693.835	319.090.909	530.622.673.326
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	170.187.258.382	280.589.430.367	2.256.850.346	41.836.363	453.075.375.458
Tại ngày 31/12/2016	155.629.101.454	228.895.778.314	1.876.605.954	-	386.401.485.722

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

77.319.091.211 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

0 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

360.267.611.150 đồng.

(Chi tiết tại mục V.18.1 Thuyết minh BCTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tài sản dở dang dài hạn

10.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng công trình mỏ đá với Đồng Chuông	1.821.090.335	382.146.783
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường	1.581.919.800	-
Cộng	3.403.010.135	382.146.783

11. Phải trả người bán

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP	9.685.680.397	9.685.680.397	-	-
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	94.615.865.900	94.615.865.900
Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	10.079.044.498	10.079.044.498	9.051.403.700	9.051.403.700
Các nhà cung cấp còn lại	18.919.982.235	18.919.982.235	25.264.296.310	25.264.296.310
Cộng	38.684.707.130	38.684.707.130	128.931.565.910	128.931.565.910

11.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

12. Người mua trả tiền trước

12.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần thương mại Hà Tráng	88.259.500	-
Chi nhánh thương mại dịch vụ Cao Ngạn - Công ty cổ phần xi măng Cao Ngạn	107.910.240	16.984.240
Đặng Xuân Lương: Hợp Đức- Tân Yên - Bắc Giang	-	50.000.000
Hộ gia đình Ông Dương Thái Sơn (Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên)	-	15.170.000
Các khách hàng còn lại	337.060.254	14.260.744
Cộng	533.229.994	96.414.984

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

13.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.904.020.813	25.222.234.534	27.568.256.071	5.557.999.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.567.337.424	7.169.495.980	7.067.337.424	2.669.495.980
Thuế thu nhập cá nhân	84.267.929	408.939.207	389.873.803	103.333.333
Thuế tài nguyên	282.534.686	935.980.295	1.040.909.650	177.605.331
Các loại thuế khác	17.246.000	447.065.597	445.963.478	18.348.119
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	144.217.018	1.526.825.690	1.602.231.870	68.810.838
Cộng	10.999.623.870	35.710.541.303	38.114.572.296	8.595.592.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 12/2016 chưa trả	4.505.126.426	4.377.457.391
Tiền lương tháng 13 và các khoản thưởng theo lương	7.230.076.495	4.983.032.761
Các khoản khác thanh toán qua lương	4.123.730	4.233.105
Ăn ca chưa chỉ	1.143.992.500	581.866.882
Quỹ lương dự phòng	11.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	23.883.319.151	18.946.590.139

15. Chi phí phải trả

15.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	491.032.936	162.573.691
Chi phí điện năng tiêu thụ	2.227.101.695	1.651.850.130
Phụ cấp HDQT và tiền đào tạo Silicat	341.555.667	-
Cộng	3.059.690.298	1.814.423.821

16. Phải trả khác

16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	116.605.890	14.464.586
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.168.311.250	12.153.345.500
Phải trả, phải nộp khác	489.847.805	534.103.505
Cộng	15.774.764.945	12.701.913.591

17. Dự phòng phải trả

17.1 Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phục hồi môi trường	339.609.548	226.693.205
Cộng	339.609.548	226.693.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	91.675.331.425	91.675.331.425	477.115.061.564	456.046.671.634	112.743.721.355	112.743.721.355
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	153.250.000.000	120.750.000.000	42.500.000.000	42.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (ii)	40.265.331.425	40.265.331.425	141.175.061.564	132.546.671.634	48.893.721.355	48.893.721.355
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	1.300.000.000	1.300.000.000	10.000.000.000	11.300.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iv)	40.110.000.000	40.110.000.000	172.690.000.000	191.450.000.000	21.350.000.000	21.350.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	43.072.608.496	43.072.608.496	52.881.725.044	39.882.568.411	56.071.765.129	56.071.765.129
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên Bắc Kạn	33.355.000.000	33.355.000.000	43.823.081.221	33.355.000.000	43.823.081.221	43.823.081.221
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	266.666.664	266.666.664	463.999.992	266.666.664	463.999.992	463.999.992
Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.209.928.682	6.209.928.682	50.973.065	6.260.901.747	-	-
Các đối tượng cá nhân khác	3.241.013.150	3.241.013.150	8.093.670.766	-	11.334.683.916	11.334.683.916
Cộng	134.747.939.921	134.747.939.921	529.996.786.608	495.929.240.045	168.815.486.484	168.815.486.484

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

(i): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/469141/HĐTD ngày 06/09/2016 với hạn mức tín dụng 80.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 5 tháng tùy theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất: thả nổi 6%/năm theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hệ thống nghiền xi măng lò quay, quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá La Hiên.

(ii): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng 50012.16.090.848058.TD ngày 27/08/2016 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất xi măng. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 3 đến 6 tháng tùy theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất: thả nổi 5,9% đến 6%/năm theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Hàng hóa và khoản phải thu luân chuyển thuộc sở hữu của khách hàng.

(iii): Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng số 72/15/HĐTD/TN ngày 29/05/2015 với hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 5 tháng. Lãi suất: 6% thay đổi theo từng khế ước. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iv): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng số 1400573810/2016-HĐTDHM/NHCT 220-XMLH ngày 19/07/2016 với hạn mức tín dụng 70.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh xi măng, clinker. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 4 tháng. Lãi suất: 6%/năm tùy thuộc theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo: Danh sách TSCĐ theo 3 hợp đồng thế chấp số 09.2014 ngày 26/09/2014, số 01.2014 ngày 13/06/2014 và số 09113003/HĐTC ngày 06/05/2009.

18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	107.711.666.670	107.711.666.670	13.476.683.916	66.742.487.347	54.445.863.239	54.445.863.239
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên Bắc Kạn	(i) 106.545.000.000	106.545.000.000	-	54.223.081.221	52.321.918.779	52.321.918.779
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	(ii) 466.666.670	466.666.670	592.000.000	662.222.210	396.444.460	396.444.460
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	(iii) -	-	2.250.000.000	522.500.000	1.727.500.000	1.727.500.000
Các đối tượng cá nhân khác	700.000.000	700.000.000	10.634.683.916	11.334.683.916	-	-
Cộng	107.711.666.670	107.711.666.670	13.476.683.916	66.742.487.347	54.445.863.239	54.445.863.239

(i): Khoản vay Chi nhánh ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 14/2007/HĐTD ngày 28 tháng 9 năm 2007 và Hợp đồng tín dụng đầu tư (sửa đổi, bổ sung) số 19/2013/HDDTDDDT-NHPT ngày 14 tháng 6 năm 2013 để đầu tư dự án mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên. Kỳ hạn trả gốc và lãi: tháng 11 năm 2018. Lãi suất: 8,4%/năm. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa Công ty TNHH MTV Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV với Công ty và Ngân hàng Phát triển Thái Nguyên.

(ii): Gồm 2 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên:

Hợp đồng tín dụng 170.15.090.848058.TD ngày 31/07/2015, số dư tại 31/12/2016: 400.000.004 đồng, trong đó đến hạn trả là 266.666.664 đồng, với mục đích thanh toán hợp đồng xây dựng thi công kho chứa nguyên vật liệu phụ gia xi, thạch cao. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 30/7/2018. Lãi suất: 10%/năm. Tài sản đảm bảo: Nhà kho chứa nguyên liệu, phụ gia xi, thạch cao.

Hợp đồng tín dụng 14419.16.090.848058.TD ngày 21/04/2016, số dư tại 31/12/2016: 460.444.448 đồng, trong đó đến hạn trả: 197.333.328 đồng với mục đích mua xe bán tải Hilux phục vụ sản xuất kinh doanh. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 26/4/2019. Lãi suất: 9,3%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe bán tải Hilux.

(iii): Gồm 2 hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Thái Nguyên:

Hợp đồng số 01/2016/469141/HĐTD ngày 06/12/2016, số dư tại 31/12/2016: 800.000.000 đồng, trong đó đến hạn trả: 160.000.000 đồng với mục đích đầu tư máy xúc lật. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 60 tháng. Lãi suất: 9%/năm.

Hợp đồng số 01/2016/469141/HĐTD ngày 15/11/2016, số dư tại 31/12/2016: 1.377.500.000 đồng, trong đó đến hạn trả: 290.000.000 đồng với mục đích Đầu tư hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng mỏ đá Đồng Chuối. Kỳ hạn trả gốc và lãi: 60 tháng. Lãi suất 9%/năm.

Đây là các khoản vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	8.372.632.151	-	108.837.108.307
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	25.317.792.005	25.317.792.005
Trích lập các quỹ	-	-	9.322.454.403	(13.317.792.005)	(3.995.337.602)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	464.476.156	17.695.086.554	-	118.159.562.710
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	464.476.156	17.695.086.554	-	118.159.562.710
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	28.264.615.588	28.264.615.588
Trích lập các quỹ (*)	-	-	6.632.307.794	(13.264.615.588)	(6.632.307.794)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	464.476.156	24.327.394.348	-	124.791.870.504

(*): Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã tạm trích quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ hoạt động của Công ty và Quyết định số 126/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2016. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51.383.000.000	51.383.000.000
Các cổ đông khác	48.617.000.000	48.617.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.000.000.000	12.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19.4 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	652.837.792.817	642.078.594.887
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.686.664.619	4.711.633.422
Cộng	656.524.457.436	646.790.228.309

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	555.141.139.469	550.406.519.261
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.783.133.172	4.788.387.710
Tiền cấp quyền	2.700.988.742	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.916.508.325	203.618.319
Cộng	563.541.769.708	555.398.525.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.157.689	20.595.497
Lãi chênh lệch tỷ giá	55.101.408	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.245.202	-
Cộng	77.504.299	20.595.497

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	18.178.866.537	22.303.532.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.973.065	916.818.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	319.588.166
Chi phí tài chính khác	97.016.420	-
Cộng	18.326.856.022	23.539.938.941

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.652.800.000	4.569.448.687
Chi phí vật liệu, bao bì	381.895.998	105.024.349
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.259.891	264.633.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	805.597.646	975.327.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.574.701	1.030.408.881
Chi phí bằng tiền khác	4.307.681.398	3.327.242.708
Cộng	11.494.809.634	10.272.084.975

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	17.119.892.000	14.273.100.000
Chi phí vật liệu quản lý	195.941.453	376.461.003
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.041.677.722	1.183.345.884
Chi phí khấu hao TSCĐ	296.354.660	296.354.660
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(252.041.889)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653.565.389	673.680.191
Chi phí bằng tiền khác	8.969.898.304	8.333.641.898
Cộng	28.028.287.639	25.139.583.636

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	622.269.404
Tiền thuê máy xúc	693.000.000	852.000.000
Các khoản khác	708.276.239	583.710.103
Cộng	1.401.276.239	2.057.979.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao máy xúc lật	830.418.167	1.429.325.820
Các khoản khác	346.985.236	567.462.486
Cộng	1.177.403.403	1.996.788.306

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	421.418.018.136	439.085.203.465
Chi phí nhân công	91.025.114.232	86.786.728.389
Chi phí khấu hao TSCĐ	68.382.942.101	56.657.028.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.897.863.819	10.478.128.368
Chi phí khác bằng tiền	19.869.359.690	19.226.794.352
Cộng	608.593.297.978	612.233.882.668

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.169.495.980	7.204.090.160
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.169.495.980	7.204.090.160

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	35.434.111.568	32.521.882.165
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	413.368.333	223.982.200
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	413.368.333	223.982.200
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	35.847.479.901	32.745.864.365
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	7.169.495.980	7.204.090.160

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.264.615.588	25.317.792.005
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	21.632.307.794	21.322.454.403
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	6.632.307.794	3.995.337.602
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.163	2.132

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Thù lao	389.783.333	161.404.800
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng	2.208.450.000	1.726.452.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP SX &KD vật tư thiết bị - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty than Khánh Hoà VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty CP vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp VVMI	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Tập đoàn
Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư - XN vật tư Hòn Gai	Công ty trong cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP SX &KD vật tư thiết bị - VVMI		
Bán xi măng bao và cước vận chuyển	3.317.322.735	4.806.445.002
Mua vôi bao	61.615.178.000	61.988.449.583
Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - Vinacomin		
Bán xi măng bao và cước vận chuyển	157.895.458	-
Mua vật tư	500.638.460	561.824.824
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP		
Mua than	101.215.851.230	-
Hợp đồng phối hợp kinh doanh	773.843.295	-
Lãi tiền than	97.016.420	-
Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI		
Mua vật tư	1.938.034.000	4.697.040.411
Bán xi măng bao và cước vận chuyển	11.090.909	49.250.000
Khách sạn Thái Nguyên		
Hội nghị, phòng nghỉ, tham quan	1.269.933.636	146.678.000
Tiền sửa	1.266.822.426	-
Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng VVMI		
Mua dịch vụ sửa chữa TSCĐ	305.345.306	1.966.899.104
Bán xi măng bao và cước vận chuyển	-	34.440.000
Công ty CP vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp VVMI		
Mua thạch cao	-	6.496.567.600
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả		
Mua than cám	-	150.115.865.900
Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư - XN vật tư Hòn Gai		
Mua dầu mỡ phụ	-	1.055.551.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Nợ phải thu</u>		
Công ty than Khánh Hoà VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	297.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc	34.295.000	-
Cộng	34.295.000	297.000.000
<u>Nợ phải trả</u>		
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	9.685.680.397	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng - VVMI	-	538.334.565
Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	1.280.000	-
Công ty cổ phần SX và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	10.079.044.498	9.051.403.700
Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	205.174.200	573.902.586
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	94.615.865.900
Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư - XN vật tư Hòn Gai	10.690.350	36.508.120
Cộng	19.981.869.445	104.816.014.871

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF.

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng